



LILAMA 18.1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18.1

LILAMA 18.1 JSC

OFFICE : 9th floor Empire Tower, 26 - 28 HAM NGHI Str. – BEN NGHE Ward – Dist. 1 – HCM City

Tel : 84-8-62843555 - Fax : 84-8-62843777

E-mail: info@lilama18-1.com.vn - Website: www.lilama18-1.com.vn

QUY CHẾ KHOÁN GỌN

(Ban hành theo Quyết định số: 06/QĐ-LLM18.1, ngày 05 tháng 12 năm 2015
của Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 18.1)

THÁNG 12 NĂM 2015



LILAMA 18.1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18.1

LILAMA 18.1 JSC

OFFICE : 9th floor Empire Tower, 26 - 28 HAM NGHI Str. – BEN NGHE Ward – Dist. 1 – HCM City

Tel : 84-8-62843555 - Fax : 84-8-62843777

E-mail: info@lilama18-1.com.vn - Website: www.lilama18-1.com.vn

QUY CHẾ KHOẢN GỌN

(Ban hành theo Quyết định số: 06/QĐ-LLM18.1, ngày 05 tháng 12 năm 2015
của Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 18.1)

THÁNG 12 NĂM 2015

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18.1
LILAMA 18.1 JSC

OFFICE : 9th floor Empire Tower, 26 - 28 HAM NGHI Str. – BEN NGHE Ward – Dist. 1 – HCM City

Tel : 84-8-62843555 - Fax : 84-8-62843777

E-mail: info@lilama18-1.com.vn - Website: www.lilama18-1.com.vn

Số: 06/QĐ-LLM18.1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế khoán gọn của Công ty Cổ phần Lilama 18.1

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18.1

- Căn cứ bộ luật lao động đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 05 năm 2013;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam – kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 18.1 ngày 14 tháng 09 năm 2015;
- Căn cứ nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Căn cứ bản thảo và thông báo “Góp ý kiến vào Quy chế, Quy định mới và sửa đổi” ngày 27 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ tờ trình số: 01/TTr-TCHC-LLM18.1 ngày 10 tháng 12 năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế khoán gọn của Công ty Cổ phần Lilama 18.1”.

Điều 2: Quy chế có hiệu lực từ ngày ký ban hành;

Điều 3: Thủ trưởng các Phòng, Ban chức năng và đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Lilama 18.1 có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thi hành);
- Công ty cổ phần Lilama 18(báo cáo);
- Hội đồng QT (báo cáo);
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
HỒ VĂN TOÀN

QUY CHẾ KHOẢN GỌN

(Ban hành theo Quyết định số: 06/QĐ-LLM18.1 ngày 05 tháng 12 năm 2015 của Giám đốc Công ty)

I/ MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích:

- a. Giảm các chi phí về quản lý, tăng năng suất lao động nhằm tăng sức cạnh tranh trên thương trường.
- b. Từng bước cải tiến và nâng cao năng lực quản lý và kiểm soát dự án cho cán bộ quản lý dự án.
- c. Nâng cao trách nhiệm của các cán bộ phụ trách đơn vị thi công.
- d. Không ngừng củng cố và nâng cao ý thức của người lao động.

2. Yêu cầu cơ bản:

- a. Các công trình khoán gọn phải sử dụng các nguồn lực của Công ty một cách hiệu quả.
- b. Bất kỳ một nhu cầu sử dụng nguồn lực bên ngoài nào phải có ý kiến của các bộ phận liên quan và được sự phê duyệt của Giám đốc.
- c. Đơn vị thi công phải căn cứ vào hợp đồng khoán gọn để kiểm soát chi phí thi công. Trường hợp cần thiết điều chỉnh định mức hoặc đơn giá khoán, đơn vị thi công phải thông báo và kết hợp phòng Kinh tế-Kỹ thuật để thống nhất, xin ý kiến Giám đốc ngay tại thời điểm thi công.
- d. Tất cả các chi phí ngoài hợp đồng khoán gọn đều phải có xác nhận của phòng Kinh tế-Kỹ thuật để làm cơ sở quyết toán hợp đồng khoán gọn.

II/ ĐỐI TƯỢNG GIAO KHOẢN

1. Các Đội công trình;
2. Xí nghiệp, Nhà máy Chế tạo kết cấu thép & Thiết bị cơ khí ;
3. Các Tổ phục vụ, dịch vụ;
4. Các Phòng, Ban tham gia thi công.

III/ CƠ SỞ LẬP HỢP ĐỒNG KHOẢN GỌN

1. Hợp đồng kinh tế; đơn đặt hàng; các bảng báo giá đã được chấp thuận bởi khách hàng kèm theo các hồ sơ liên quan (nếu có); Hồ sơ thiết kế thi công; các văn bản có tính chất tương tự.

2. Tham khảo định mức của ngành Lắp máy Việt Nam, các Nghị định, Thông tư liên quan.

3. Các định mức nội bộ của Công ty.

IV/ PHẠM VI & NỘI DUNG GIAO KHOẢN

Tùy theo tính chất từng công trình (quy mô, yêu cầu kỹ thuật, v.v...; tình hình nguồn lực của Công ty ở những thời điểm cụ thể, các chi phí sau đây sẽ được khoán:

1. Chi phí nhân công trực tiếp (NCTT).

2. Chi phí nhân công gián tiếp (NCGT).

3. Chi phí chung (CPC):

Chỉ áp dụng cho Xí nghiệp, Nhà máy CTKCT & TBCK (không áp dụng NCGT).

4. Chi phí vật liệu chính (nếu có).

5. Chi phí vật liệu phụ.

6. Chi phí xe máy.

7. Chi phí nhiên liệu xe máy.

8. Các chi phí khác.

Phạm vi và nội dung giao khoán cũng khác nhau, tùy đặc điểm của các đơn vị, cụ thể như sau:

1. Xí nghiệp & Nhà máy CTKCT & TBCK:

- CPC được xác định bằng 23% NCTT.

2. Đội công trình:

- NCGT được xác định bằng 16% NCTT.

3. Các Tổ, Phòng, Ban:

- Các chi phí sẽ được cân nhắc theo đặc thù riêng của từng công việc.

Đối với những dự án có tính chất đặc biệt, các phạm vi và nội dung trên sẽ được cân nhắc và điều chỉnh cho phù hợp.

V/ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1. Căn cứ tình hình thi công chung và năng lực của các đơn vị, phòng Kinh tế-Kỹ thuật xin ý kiến Giám đốc ban hành Giấy giao nhiệm vụ cho đơn vị thi công.

2. Trong thời gian từ 2 tuần đến 6 tuần kể từ ngày nhận Giấy giao nhiệm vụ và hồ sơ thi công, tùy tính chất của từng công việc và thực tế công trình, đơn vị thi công lập đề xuất khoán gọn gửi về phòng Kinh tế-Kỹ thuật.

3. Trong thời gian 02 tuần, sau khi nhận được đề xuất khoán gọn, Phòng Kinh tế-Kỹ thuật kiểm tra, thống nhất hợp đồng khoán gọn và trình Giám đốc ký.

4. Trước khi triển khai thi công, đơn vị thi công phải thực hiện khoán gọn chi phí nhân công trực tiếp tới bộ phận thi công.

5. Ngay sau khi hoàn thành công trình, có đầy đủ nghiệm thu xác nhận của khách hàng, đơn vị thi công phải lập tức quyết toán hợp đồng khoán gọn với phòng Kinh tế-Kỹ thuật và phòng Tài chính-Kế toán-Thống kê.

VI/ CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN TRONG TRÍCH KHOÁN

1. Yêu cầu trích lương hàng tháng phải đính kèm báo cáo khối lượng thi công tương ứng với giá trị trích khoán có xác nhận của kỹ thuật thi công và chỉ huy trưởng.

2. Báo cáo khối lượng thi công phải thể hiện chi tiết các công việc theo từng hạng mục để trên cơ sở đó xác định khối lượng hoàn thành và chi phí nhân công.

3. Chi phí nhân công được xác định dựa vào khối lượng hoàn thành và đơn giá khoán gọn hoặc đơn giá tạm tính trong trường hợp chưa khoán.

4. Chi phí chung là chi phí để vận hành và duy trì tất cả các bộ phận, công tác gián tiếp và bảo vệ cơ sở hạ tầng.

5. Tất cả các chi phí phát sinh (chưa thể hiện trong hợp đồng khoán gọn) phải được đơn vị thi công báo cáo ngay về phòng Kinh tế-Kỹ thuật để thống nhất và kiểm soát.

6. Việc thuê nhân công bên ngoài phải được sự thống nhất của Phòng Tổ chức-Hành chính, phòng Kinh tế-Kỹ thuật và sự đồng ý của Giám đốc theo Quy chế quản lý lao động của Công ty.

7. Nếu tỷ lệ hao hụt vật tư chính lớn hơn 5% (đối với thép tấm), 2% (đối với thép hình), khối lượng vật tư thừa phải được kiểm tra, thu hồi và xác nhận bởi phòng Cung ứng vật tư và cán bộ quản lý dự án trước khi quyết toán hợp đồng khoán gọn.

VII/ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Chi tiết thực hiện qui chế này được mô tả trong hướng dẫn công việc quản lý hợp đồng khoán.

2. Trong quá trình áp dụng, các đơn vị thi công, các Phòng, Ban chức năng và Ban Giám đốc Công ty cùng tham gia đóng góp để Quy chế này ngày càng hoàn chỉnh.


GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
HỒ VĂN TOÀN

